

Số: 17/QĐ-ĐHXDMT

Phú Yên, ngày 09 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp trình độ đại học lớp D20XDK, D20CDK1, D20XCK1
và đại học các khóa trước, hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-ĐHXDMT ngày 14/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-ĐHXDMT ngày 07/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy định Tổ chức và quản lý công tác tốt nghiệp trình độ đại học tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-ĐHXDMT ngày 05/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc thành lập Hội đồng tốt nghiệp năm học 2024 - 2025;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 08/01/2025 của Hội đồng tốt nghiệp;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Kỹ sư cho **81** sinh viên đại học lớp D20XDK, D20CDK1, D20XCK1 và đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)

2. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân cho **12** sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)



3. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Tốt nghiệp Đại học cho 02 sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)

Điều 2. Trường các đơn vị và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Lưu: VT, QLĐT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Lê Đức Thường



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ

(Kèm theo Quyết định số: 17/QĐ-ĐHXĐMT, ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
A. Ngành Kỹ thuật xây dựng																					
I. Tổng số 62/117 sinh viên thực hiện ĐA/KLTN theo QĐ số: 659/QĐ-ĐHXĐMT ngày 16/8/2024																					
1	1	20DQ5802011020	Ngô Ngọc Triết	Nam	31/12/2002	Phú Yên	3.74	150	Xuất sắc	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
2	2	20DQ5802011005	Vô Thành Đồng	Nam	22/01/2000	Phú Yên	3.56	150	Giỏi	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
3	3	20DQ5802011027	Vô Thành Duy	Nam	14/05/2002	Khánh Hòa	3.45	150	Giỏi	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
4	4	20DQ5802011136	Nguyễn Ngọc Trúc	Nam	06/06/2002	Phú Yên	3.38	150	Giỏi	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
5	5	20DQ5802011128	Trần Minh Triết	Nam	08/02/2001	Phú Yên	3.37	150	Giỏi	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
6	6	20DQ5802011139	Phạm Duy Đam	Nam	02/08/2002	Phú Yên	3.31	150	Giỏi	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
7	7	20DQ5802011105	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	13/01/2002	Khánh Hòa	3.20	150	Giỏi	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
8	8	20DQ5802011106	Nguyễn Văn Đồng	Nam	10/01/2002	Phú Yên	3.08	150	Khá	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
9	9	20DQ5802011122	Cao Thị Hồng Nhung	Nữ	19/05/2002	Phú Yên	2.90	150	Khá	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
10	10	20DQ5802011135	Lê Chi Trinh	Nam	06/01/2002	Phú Yên	2.86	150	Khá	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
11	11	20DQ5802011123	Nguyễn Khanh Phương	Nữ	18/05/2002	Khánh Hòa	2.81	150	Khá	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
12	12	20DQ5802011124	Phạm Minh Quân	Nam	23/04/2002	Phú Yên	2.72	150	Khá	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
13	13	20DQ5802011100	Trần Xuân Bình	Nam	09/09/2002	Phú Yên	2.66	150	Khá	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
14	14	20DQ5802011138	Nguyễn Thành Quang	Nam	19/06/2002	Phú Yên	2.63	150	Khá	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
15	15	20DQ5802011119	Nguyễn Tấn Lộc	Nam	15/04/2002	Khánh Hòa	2.59	150	Khá	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
16	16	20DQ5802011110	Trương Nhật Hoàng	Nam	19/07/2002	Phú Yên	2.50	150	Khá	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
17	17	20DQ5802011001	Phùng Quốc Chung	Nam	11/01/2002	Khánh Hòa	2.25	150	Trung bình	D20XDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
18	18	20DQ5802011049	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	17/11/2002	Phú Yên	2.94	150	Khá	D20XDK2	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
19	19	20DQ5802011045	Nguyễn Văn Tài	Nam	06/07/2002	Khánh Hòa	2.90	150	Khá	D20XDK2	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
20	20	20DQ5802011034	Nguyễn Văn Long	Nam	03/09/2002	Phú Yên	2.79	150	Khá	D20XDK2	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
21	21	20DQ5802011159	Ngô Xuân Lương	Nam	13/07/2000	Phú Yên	2.77	150	Khá	D20XDK2	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
22	22	20DQ5802011039	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	26/08/2002	Phú Yên	2.66	150	Khá	D20XDK2	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
23	23	20DQ5802011001	Đoàn Nguyễn Thanh Hiền	Nam	31/12/2002	Phú Yên	2.60	150	Khá	D20XDK2	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
24	24	20DQ5802011002	Trần Lê Thanh Khương	Nam	09/05/2002	Phú Yên	2.54	150	Khá	D20XDK2	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
25	25	20DQ5802011055	Nguyễn Khanh Trung	Nam	14/02/2002	Phú Yên	2.43	150	Trung bình	D20XDK2	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
26	26	20DQ5802011151	Nguyễn Thanh Lâm	Nam	30/12/2002	Phú Yên	2.42	150	Trung bình	D20XDK2	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
27	27	20DQ5802011066	Nguyễn Công Đức	Nam	31/10/2002	Phú Yên	3.21	150	Giỏi	D20XDK3	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
28	28	20DQ5802011081	Tô Nhật Nhài	Nam	21/12/2002	Phú Yên	3.19	150	Khá	D20XDK3	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	
29	29	20DQ5802011076	Thái Hoàng Lộc	Nam	28/08/2002	Khánh Hòa	3.10	150	Khá	D20XDK3	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-ĐHXĐMT	09/01/2025	

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
30	30	20DQ5802011093	Võ Tấn	Nam	19/11/2002	Phủ Yên	2.87	150	Khá	D20XDK3	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
31	31	20DQ5802011097	Đoàn Văn	Nam	12/07/2002	Phủ Yên	2.78	150	Khá	D20XDK3	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
32	32	20DQ5802011171	Hiếu	Nam	29/01/2002	Phủ Yên	3.81	150	Xuất sắc	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
33	33	20DQ5802011200	Võ Tiến	Nam	31/08/2002	Phủ Yên	3.52	150	Giỏi	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
34	34	20DQ5802011191	Lê Thanh	Nam	02/10/2002	Phủ Yên	3.45	150	Giỏi	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
35	35	20DQ5802011176	Nguyễn Văn	Nam	31/08/2002	Phủ Yên	3.37	150	Giỏi	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
36	36	20DQ5802011177	Ngô Thanh	Nam	10/04/2002	Phủ Yên	3.33	150	Giỏi	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
37	37	20DQ5802016201	Nguyễn Tiến	Nam	21/06/2002	Quảng Bình	3.27	150	Giỏi	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
38	38	20DQ5802011174	Mai Văn	Nam	29/10/2002	Phủ Yên	3.02	150	Khá	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
39	39	20DQ5802011199	Nguyễn Trần Anh	Nam	04/10/2002	Phủ Yên	3.02	150	Khá	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
40	40	20DQ5802011168	Trần Quốc	Nam	21/04/2002	Phủ Yên	2.68	150	Khá	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
41	41	20DQ5802011180	Nguyễn Anh	Nam	04/04/2002	Bình Định	2.48	150	Trung bình	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
42	42	20DQ5802011910	Nguyễn Hoàng	Nam	30/04/2000	Phủ Yên	2.15	150	Trung bình	D20XDK5	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
43	43	19DQ5802011001	Lê Võ Hoài	Nam	10/08/2001	Khánh Hòa	2.79	150	Khá	D19X1	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
44	44	19DQ5802011015	Trương Nhật	Nam	27/11/2001	Phủ Yên	2.14	150	Trung bình	D19X1	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
45	45	19DQ5802011075	Trần Ngọc	Nam	20/02/2001	Phủ Yên	3.54	150	Giỏi	D19X2	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
46	46	19DQ5802011083	Nguyễn Đình	Nam	31/12/2001	Bình Định	3.06	150	Khá	D19X2	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
47	47	19DQ5802011203	Nguyễn Trần	Nam	25/06/2001	Phủ Yên	2.41	150	Trung bình	D19X2	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
48	48	19DQ5802011070	Đặng Đình	Nam	19/07/2001	Phủ Yên	2.40	150	Trung bình	D19X2	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
49	49	19DQ5802011047	Biên Huỳnh	Nam	03/07/2001	Phủ Yên	2.12	150	Trung bình	D19X2	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
50	50	19DQ5802011247	Trần Anh	Nam	04/11/2000	Phủ Yên	2.17	150	Trung bình	D19X3	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
51	51	19DQ5802011003	Phan Văn	Nam	27/01/2001	Phủ Yên	2.81	150	Khá	D19X4	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
52	52	19DQ5802011165	Nguyễn Nhật	Nam	17/10/2001	Phủ Yên	2.43	150	Trung bình	D19X4	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
53	53	19DQ5802011212	Nguyễn Lưu Hoàng	Nam	01/10/2001	Phủ Yên	2.34	150	Trung bình	D19X4	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
54	54	19DQ5802011173	Võ Xuân	Nam	01/02/2001	Phủ Yên	2.07	150	Trung bình	D19X4	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
55	55	20DL5802011016	Trần Văn	Nam	20/06/1990	Phủ Yên	2.90	150	Khá	D20XDK6	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
56	56	20DL5802011012	Phan Văn	Nam	12/12/1994	Phủ Yên	2.78	150	Khá	D20XDK6	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
57	57	21DL5802011004	Trương Phan Hoàng	Nam	17/10/1998	Phủ Yên	2.40	150	Trung bình	D21XDK5	10/12/2021	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
58	58	20DQ5802015004	Bùi Huỳnh	Nam	06/02/2002	Phủ Yên	3.38	158	Giỏi	D20XCK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
59	59	20DQ5802015003	Nguyễn Quốc	Nam	15/07/2002	Khánh Hòa	3.34	158	Giỏi	D20XCK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
60	60	20DQ5802015013	Nguyễn Văn	Nam	14/10/2002	Phủ Yên	3.03	158	Khá	D20XCK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
61	61	20DQ5802015005	Huỳnh Văn	Nam	24/02/2002	Phủ Yên	3.01	158	Khá	D20XCK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	
62	62	20DQ5802015006	Huỳnh Kim	Nam	11/11/2002	Phủ Yên	2.74	158	Khá	D20XCK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025	

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bảng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
II. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
63	1	18DQ5802010181	Hàn Triều	Doanh	Nam	07/04/1999	Phù Yên	2.28	143	Trung bình	D18X1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
64	2	19DQ5802011045	Lê Hồng	Yến	Nam	20/11/2001	Bình Định	2.79	150	Khá	D19X1	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
65	3	19DQ5802011188	Đặng Văn	Hóa	Nam	09/02/2001	Phù Yên	2.51	150	Khá	D19X2	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
66	4	19DQ5802011111	Lê Xuân	Luân	Nam	19/04/2001	Phù Yên	2.44	150	Trung bình	D19X3	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
67	5	19DQ5802011146	Nguyễn Văn	Học	Nam	27/11/2001	Bình Định	2.22	150	Trung bình	D19X4	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
68	6	19DL5802011238	Vũ Hồ	Vũ	Nam	09/09/1997	Phù Yên	2.36	58	Trung bình	D19X6	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2021	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
69	7	20DL5802011024	Nguyễn Trọng	Luật	Nam	27/07/1991	Phù Yên	2.91	150	Khá	D20XDK6	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
B. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông																					
I. Tổng số 10/117 sinh viên thực hiện ĐA/KLTN theo QĐ số: 659/QĐ-DHXDMT ngày 16/8/2024																					
70	1	20DQ5802051018	Hồ Việt	Tin	Nam	11/04/2002	Phù Yên	3.65	150	Xuất sắc	D20CDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
71	2	20DQ5802051016	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	02/06/2002	Phù Yên	3.58	150	Giỏi	D20CDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
72	3	20DQ5802051626	Lương Hán	Thuyền	Nữ	02/11/2001	Phù Yên	3.17	150	Khá	D20CDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
73	4	20DQ5802051007	Nguyễn Thanh	Nhân	Nam	09/09/2002	Khánh Hòa	3.15	150	Khá	D20CDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
74	5	20DQ5802051005	Nguyễn Gia	Khải	Nam	28/03/2002	Khánh Hòa	2.91	150	Khá	D20CDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
75	6	20DQ5802051011	Nguyễn Ngọc	Tinh	Nam	31/01/2002	Khánh Hòa	2.89	150	Khá	D20CDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
76	7	20DQ5802051904	Bùi Nguyễn	Hưng	Nam	11/10/1999	Đắk Lắk	2.50	150	Khá	D20CDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
77	8	20DQ5802051021	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	30/06/2002	Khánh Hòa	2.25	150	Trung bình	D20CDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
78	9	20DQ5802051902	Lê Hồng	Pháp	Nam	08/10/1998	Phù Yên	2.19	150	Trung bình	D20CDK1	22/12/2020	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2020 - 2025	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
79	10	19DQ5802051012	Lê Minh	Thương	Nam	29/08/2001	Bình Định	2.49	152	Trung bình	D19CD1	19/08/2019	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
C. Ngành Kỹ thuật môi trường																					
I. Tổng số 01/117 sinh viên thực hiện ĐA/KLTN theo QĐ số: 659/QĐ-DHXDMT ngày 16/8/2024																					
80	1	17DQ5203200001	Lê Quang	Huy	Nam	26/03/1999	Phù Yên	2.11	141	Trung bình	D17MT	29/08/2017	Kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật & Quản lý môi trường	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
D. Ngành Kinh tế xây dựng																					
I. Tổng số 01/06 sinh viên thực hiện ĐA/KLTN theo QĐ số: 844/QĐ-DHXDMT ngày 03/10/2024																					
81	1	19DQ5803011035	Trần Quang	Huy	Nam	14/10/2001	Phù Yên	2.21	150	Trung bình	D19KX3	19/08/2019	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025

Tổng số: 81 sinh viên

2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 17/QĐ-DHXDMT, ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)



STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bảng)	
ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG Hồ và tên																					
A. Ngành Kinh tế xây dựng																					
I. Tổng số 05/117 sinh viên thực hiện DATN theo QĐ số: 659/QĐ-DHXDMT ngày 16/8/2024																					
1	1	20DQ5803011048	Nguyễn Trung	Trúc	Nam	22/04/2000	Phu Yên	2.72	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
2	2	20DQ5803011060	Huyền Lê Thế	Kiệt	Nam	16/02/2002	Phu Yên	2.47	129	Trung bình	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
3	3	20DQ5803011021	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	Nữ	25/09/2001	Phu Yên	2.43	129	Trung bình	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
4	4	20DQ5803011907	Phan Đức	Huyền	Nam	12/04/2001	Phu Yên	2.27	129	Trung bình	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
5	5	20DQ5803011029	Vương Đăng	Triều	Nam	30/03/2002	Phu Yên	2.18	129	Trung bình	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
II. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
6	1	20DQ5803011054	Phan Thị Minh	Tu	Nữ	11/07/2002	Phu Yên	3.38	129	Giỏi	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
7	2	20DQ5803011046	Phan Ngọc	Luân	Nam	17/01/2002	Phu Yên	2.86	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
8	3	20DQ5803011003	Nguyễn Thanh	Hàn	Nam	05/11/2002	Phu Yên	2.75	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
9	4	20DQ5803011008	Trương Thị Hồng	Hương	Nữ	28/02/2002	Phu Yên	2.52	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
10	5	20DQ5803011035	Võ Thị Quỳnh	Nhu	Nữ	07/07/2002	Phu Yên	2.33	129	Trung bình	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
11	6	20DQ5803011001	Hồ Thị Lan	Anh	Nữ	17/08/2002	Phu Yên	2.31	129	Trung bình	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025
B. Ngành Quản lý xây dựng																					
I. Tổng số 01/117 sinh viên thực hiện DATN theo QĐ số: 659/QĐ-DHXDMT ngày 16/8/2024																					
12	1	20DQ5803021007	Nguyễn To	Ny	Nam	07/08/2002	Phu Yên	2.91	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	17/QĐ-DHXDMT	09/01/2025

Tổng số: 12 sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 17/QĐ-BHXDĐT, ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

STT	TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
A. Ngành Kỹ thuật công trình-xây dựng																					
1. Tổng số 02/117 sinh viên thực hiện ĐA/KLTN theo QĐ số: 659/QĐ-BHXDMT ngày 16/8/2024																					
1	1	16DO5M02010085 Nguyễn Hồ Quốc	Nam	18/06/1998	Hực	2.02	155	Trung bình	D1GX1	29/08/2016	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2016 - 2021	Tiếng Việt	DH - Kỹ sư	17/QĐ-BHXDMT	09/01/2025		
2	2	16DO5M02010248 Phan Hoàng	Nam	18/07/1998	Phong	2.00	155	Trung bình	D1GX4	29/08/2016	Kỹ thuật công trình xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2016 - 2021	Tiếng Việt	DH - Kỹ sư	17/QĐ-BHXDMT	09/01/2025		

Tổng số: 2 sinh viên